

Số: /2023/QĐ-UBND

Long An, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11/01/2022;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Long An;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 540/TTr-SNN ngày 17/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Long An (đính kèm Quy định).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan và địa phương tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày / /2023 và thay thế Quyết định số 4136/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế-Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh và các tổ chức Đoàn thể tỉnh;
- CVP, PCVP. UBND tỉnh_{KT};
- VP Điều phối NTM tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Phòng: KTTC, VHXH;
- Lưu: VT, Luan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Long An

*(ban hành kèm theo Quyết số /2023/QĐ-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Long An.

2. Quy định này áp dụng đối với các xã trên địa bàn tỉnh Long An. Riêng đối với xã bãi ngang Phước Vĩnh Đông, thuộc huyện Cần Giuộc kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới chỉ hỗ trợ những nội dung không thuộc nội dung hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố, các xã và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập kế hoạch đầu tư (trung hạn, hàng năm) nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

Các nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 như sau:

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước
1	Đầu tư xây dựng cầu và đường giao thông trục xã, liên xã	Tối đa 98%
2	Đầu tư xây dựng cầu và đường giao thông trục ấp, trục chính nội đồng	Tối đa 80%
3	Đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi nội đồng	Tối đa 50%
4	Đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng, chống thiên tai của xã	Tối đa 98%
5	Đầu tư xây dựng Trường học	Tối đa 99%
6	Đầu tư xây dựng Trạm y tế xã	Tối đa 99%
7	Đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Học tập cộng đồng xã	Tối đa 99%
8	Đầu tư xây dựng nhà văn hóa, khu thể thao ấp	Tối đa 80%
9	Đầu tư xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung (chỉ hỗ trợ công trình do cộng đồng dân cư, cơ quan nhà nước quản lý, khai thác, sử dụng)	Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 56/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh ban hành quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho các huyện, thị xã, thành phố giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh
10	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn (chỉ hỗ trợ công trình do cộng đồng dân cư, cơ quan nhà nước quản lý, vận hành, sử dụng)	Tối đa 98 %
11	Đầu tư hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho quá trình ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số ở nông thôn	Tối đa 98%

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước
12	Đầu tư hệ thống lưới điện nông thôn	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2008/TT-BTC ngày 28/10/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với việc đầu tư phát triển điện ở nông thôn, miền núi, hải đảo
13	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã (chỉ hỗ trợ công trình do Ban quản lý chợ - Đơn vị sự nghiệp có thu quản lý, khai thác sử dụng)	Tối đa 60%
14	Đầu tư hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản	Tùy theo từng dự án, công trình cụ thể, UBND tỉnh thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh về mức hỗ trợ trước khi triển khai thực hiện
15	Đầu tư xây dựng Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp	Tối đa 98%
16	Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, nhà xưởng, phòng học, mua sắm thiết bị đào tạo, phương tiện vận chuyển đào tạo lưu động và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo cho các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn (chỉ áp dụng hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập)	Tùy theo từng dự án, công trình cụ thể, UBND tỉnh thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh về mức hỗ trợ trước khi triển khai thực hiện
17	Cải tạo nghĩa trang (chỉ áp dụng đối với nghĩa trang do ngân sách nhà nước đầu tư và giao cho xã, ấp, cộng đồng quản lý, khai thác, sử dụng; không áp dụng đối với nghĩa trang do doanh nghiệp, cá nhân đầu tư, quản lý, khai thác)	Tối đa 90%

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước
18	Nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn	Tùy theo từng dự án, công trình cụ thể, UBND tỉnh thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh về mức hỗ trợ trước khi triển khai thực hiện
19	Hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	
-	Hỗ trợ chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn	Tối đa 50% (không quá 40 triệu đồng/ha)
-	Hỗ trợ chi phí để san phẳng mặt ruộng	Tối đa 50% (không quá 10 triệu đồng/ha)
20	Hỗ trợ thiết bị của đài truyền thanh xã (mua mới, sửa chữa, thay thế), phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện.	Tối đa 98%
21	Hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, ấp	Tối đa 50% (không quá 5 triệu đồng/ 01 hộ)
22	Hỗ trợ tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của tỉnh, huyện, xã	Tối đa 90%
23	Hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp	Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước
24	Hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại	Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của HĐND tỉnh ban hành quy định chính sách hỗ trợ Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2021-2025
25	Hỗ trợ bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn	Tối đa 90%
26	Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn	Tối đa 30% (không quá 200 triệu đồng/ 01 điểm du lịch)
27	Hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững	Tối đa 50% (không quá 500 triệu đồng/ 01 mô hình)
28	Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao	
-	Trung tâm Văn hóa thể thao tỉnh	Tối đa 400 triệu đồng/ thiết chế
-	Trung tâm Văn hóa thể thao cấp huyện	Tối đa 200 triệu đồng/thiết chế
-	Trung tâm Văn hóa thể thao cấp xã	Tối đa 50 triệu đồng/thiết chế
-	Nhà Văn hóa - Khu thể thao cấp xã	Tối đa 30 triệu đồng/thiết chế
29	Hỗ trợ xây dựng tủ sách cấp huyện, xã, ấp	
-	Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện	Tối đa 40 triệu đồng/01 tủ sách
-	Thư viện, tủ sách cấp xã	Tối đa 20 triệu đồng/01 tủ sách
-	Thư viện, tủ sách ấp	Tối đa 10 triệu đồng/01 tủ sách
30	Hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, ấp	
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã	Tối đa 40 triệu đồng/01 năm
-	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp	Tối đa 20 triệu đồng/01 năm

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước
31	Hỗ trợ tổ chức thực hiện đề án/kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải; thí điểm và hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh	Tối đa 50%
32	Hỗ trợ xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường và cải thiện chất lượng môi trường	Tối đa 50%
33	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình ấp, xóm sáng - xanh - sạch - đẹp và an toàn	Tối đa 50%
34	Hỗ trợ xây dựng và triển khai thí điểm một số mô hình thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	Tối đa 50%
35	Hỗ trợ triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới	Tối đa 50%
36	Tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các chi, tổ hội nghề nghiệp Hội Nông dân	Tối đa 15 triệu đồng/01 mô hình
37	Hỗ trợ xây dựng các mô hình điểm và nhân rộng các mô hình sẵn có nhằm vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”	Tối đa 15 triệu đồng/01 mô hình
38	Hỗ trợ thí điểm và nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng	Tối đa 15 triệu đồng/01 mô hình

Điều 4. Nguồn vốn thực hiện

1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước, bao gồm: Ngân sách Trung ương (vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới), tỉnh, huyện, xã.
2. Nguồn vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các dự án, công trình, mô hình đã, đang triển khai các thủ tục để hỗ trợ trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành thì mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được áp dụng theo quy định của giai đoạn trước. Đối với các dự án, công trình, mô hình triển khai các thủ tục hỗ trợ sau khi Quy định này có hiệu lực thi hành thì mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được áp dụng theo Quy định này.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế mới ban hành khi có hiệu lực thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH